

KỸ NĂNG THU THẬP, PHÂN TÍCH, SỬ DỤNG THÔNG TIN PHỤC VỤ GIÁM SÁT VÀ KỸ NĂNG TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG



PHẦN THỨ NHẤT

**KỸ NĂNG THU THẬP, PHÂN TÍCH
VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN
PHỤC VỤ GIÁM SÁT CỦA HĐND**

I. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ CỦA THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

1. Khái niệm, vai trò của thông tin trong hoạt động giám sát

1.1. Khái niệm thông tin

- Trong đời sống hàng ngày, thông tin được hiểu là các tin tức, sự việc, hiện tượng trong thế giới xung quanh.

- Trong QLNN:

“Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra”.

1.2. Phân loại thông tin

*** 3 dạng thông tin cơ bản:**

- + Thông tin dạng văn bản
- + Thông tin dạng hình ảnh
- + Thông tin dạng âm thanh

*** Các cách phân loại thông tin theo các tiêu chí**

- *Theo lĩnh vực*: thông tin kinh tế, thông tin xã hội, thông tin luật pháp, thông tin chính sách, thông tin khoa học công nghệ, thông tin trong nước, thông tin đối ngoại v.v...

1.2. Phân loại thông tin (tiếp)

*** Các cách phân loại thông tin theo các tiêu chí**

- *Theo các kênh thông tin:* thông tin báo chí, thông tin trên mạng xã hội, thông tin qua khảo sát điều tra, thông tin qua dư luận xã hội v.v...
- *Theo hình thức truyền đạt thông tin:* thông tin bằng văn bản, thông tin bằng lời nói, thông tin số.
- *Theo thuộc tính bí mật của thông tin:* Thông tin công cộng công khai, thông tin riêng, thông tin cá nhân, thông tin bí mật nhà nước là thông tin ở mức Mật, Tối Mật, Tuyệt Mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

1.2. Phân loại thông tin (tiếp)

- *Theo bản chất của thông tin*: thông tin khái niệm, thông tin thủ tục, thông tin chỉ thị, thông tin chính sách, thông tin thực nghiệm, thông tin định lượng, thông tin định tính, thông tin chủ quan, thông tin khách quan...
- *Theo chức năng của quy trình quản lý*: thông tin phục vụ quá trình lập kế hoạch và ra quyết định, thông tin phục vụ công tác tổ chức, thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, thông tin phục vụ công tác kiểm tra, giám sát...
- *Theo mức độ phản ánh của thông tin*: thông tin đầy đủ và thông tin không đầy đủ (thông tin bộ phận)

1.2. Phân loại thông tin (tiếp)

- Theo tính pháp lý của thông tin: thông tin chính thức, thông tin phi chính thức.
- Theo nguồn thu thập thông tin: **thông tin thứ cấp** (thông tin đã qua xử lý, phân tích, tổng hợp, thể hiện dưới dạng văn bản giấy hoặc văn bản điện tử; biểu bảng, sơ đồ... Loại thông tin này đã được xử lý và có giá trị pháp lý cao hơn và đáng tin cậy hơn); **thông tin sơ cấp** (thông tin ban đầu, thông tin gốc, thông tin nguyên liệu có được do thu thập, khảo sát, điều tra, quan sát thực tế. Loại thông tin này thường gọi là dữ liệu (data), bao gồm các số liệu, sự kiện, hình ảnh được ghi lại trong quá trình thu thập, ở dạng thô, chưa được xử lý).

2. Vai trò, yêu cầu của thông tin trong hoạt động giám sát

2.1. Vai trò: quan trọng, là nguyên liệu đầu vào

2.2. Yêu cầu:

- Thông tin phải chính xác
- Thông tin phải phù hợp
- Thông tin phải đầy đủ
- Thông tin phải kịp thời, cập nhật:
- Thông tin phải có tính hệ thống và tổng hợp
- Thông tin đơn giản dễ hiểu
- Thông tin phải đảm bảo yêu cầu bí mật (trong một số trường hợp)

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

1. Khái niệm thu thập và xử lý thông tin trong hoạt động giám sát

1.1. Thu thập nghĩa là tìm kiếm, góp nhặt và tập hợp thông tin theo những tiêu chí cụ thể nhằm đạt được mục đích, yêu cầu đặt ra của hoạt động giám sát từ nhiều nguồn, kênh thông tin khác nhau

1.2. Xử lý thông tin là quá trình đối chiếu, chọn lọc, sắp xếp, phân tích các dữ liệu, chỉnh lý, biên tập thông tin theo mục đích, yêu cầu xác định.

Thu thập và xử lý thông tin phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan và chủ quan, đặc biệt là kỹ năng sử dụng các phương pháp, cách thức thu thập và xử lý thông tin.

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

2. Kỹ năng thu thập và xử lý thông tin trong hoạt động giám sát của HĐND

2.1. Sử dụng quyền của đại biểu được yêu cầu cung cấp thông tin

- *Nghiên cứu tài liệu:* các báo cáo, văn bản, dự thảo văn bản, các văn bản pháp luật, nghị quyết ...cần có phương pháp đọc tài liệu và thu thập thông tin
- *Tập hợp thông tin trong quá trình hoạt động,* thu thập thông tin qua hoạt động tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, hoạt động giám sát, khảo sát; thu thập từ dư luận xã hội, qua các phương tiện thông tin đại chúng...
- *Thu thập thông tin bằng hình thức lấy ý kiến chuyên gia.*

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

2.2. Cách thức thu thập thông tin từ các nguồn thông tin

2.2.1. Thu thập thông tin qua nguồn thứ cấp:

+ Một số nguồn thông tin thứ cấp gồm: i) Thông tin từ các hồ sơ tài liệu, văn bản; ii) Thông tin từ sách báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

+ Yêu cầu thông tin thu thập: i) Bảo đảm tính chính xác và có độ tin cậy cao; ii) Bảo đảm tính khách quan; iii) Bảo đảm tính pháp lý. Ngoài ra, trước khi thực hiện thu thập cần xây dựng các công cụ như: xây dựng bảng hỏi; xác định các tiêu chí đánh giá tính chính xác, tính khách quan và tính pháp lý; xác định nhóm thông tin cần thu thập...

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

2.2.1. Thu thập thông tin qua nguồn thứ cấp:

+ Kỹ thuật thu thập thông tin thứ cấp:

- Thu thập thông tin trên các văn bản, sách báo cần phân nhóm thông tin theo thời gian để có phương pháp thu thập phù hợp.
- Thu thập thông tin về kinh tế, văn hoá, xã hội... liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của tổ chức hoặc thông tin trong nước và thông tin trên thế giới. Ngoài việc sử dụng hệ thống văn bản báo cáo nên sử dụng công cụ internet để tìm kiếm thu thập thông tin.
- Thu thập thông tin chuyên sâu: sử dụng các báo cáo nghiên cứu, tài liệu hội thảo, các tài liệu và các báo cáo kiểm toán v.v...
- Tập hợp và đánh giá kết quả thu thập thông tin: có thật sự liên quan và hữu ích, có đúng với mục tiêu đề ra không, đã bao trùm hết các khía cạnh của chủ đề cần quan tâm không?

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

2.2.2. Thu thập thông tin qua nguồn sơ cấp: Đại biểu và HĐND tự tiến hành

1/ Phương pháp quan sát: có tính mục đích, được ghi lại, có kiểm tra tính ổn định và tính hiệu lực của kết quả thu nhận được. Các bước quan sát: 1/ Xác định sơ bộ khách thể quan sát; 2/ Xác định thời gian và địa điểm quan sát; 3/ Lựa chọn thời gian quan sát; 4/ Xác định tiến trình quan sát; 5/ Thực hiện ghi chép thông tin từ quan sát; 6/ Kiểm tra lại việc quan sát

2/ Phương pháp phỏng vấn: Phương pháp phỏng vấn là cuộc gặp gỡ, trao đổi, hỏi chuyện giữa người phỏng vấn với một hoặc một nhóm đối tượng nhằm thu thập, khai thác thông tin phục vụ công việc cụ thể.

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

2.2.2. Thu thập thông tin qua nguồn sơ cấp: Đại biểu và HĐND tự tiến hành

3/ Phương pháp thảo luận nhóm: là quá trình thu thập thông tin và các ý tưởng hiệu quả nhất, làm phong phú nguồn tư liệu cần thiết phục vụ cho nội dung vấn đề cần giải quyết, thường gồm từ 6 - 12 người để trình bày những quan điểm về một vấn đề cần thảo luận, nghiên cứu..

4/ Thu thập thông tin bằng bảng hỏi: dùng một hệ thống câu hỏi được chuẩn bị sẵn theo những nội dung xác định. Có 3 loại bảng hỏi: bảng hỏi đóng, bảng hỏi mở và bảng hỏi kết hợp 2 hình thức đóng và mở. Phương pháp này đòi hỏi số mẫu cao và cần có kinh phí để tổng hợp, xử lý kết quả khảo sát. Có thể thu thập thông tin bằng bảng hỏi trực tuyến, qua các phần mềm miễn phí như google drive, zalo...

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

2.2.2. Thu thập thông tin qua nguồn sơ cấp: Đại biểu và HĐND tự tiến hành

5/ Thu thập thông tin truyền miệng (qua các ý kiến đóng góp và phản ánh từ các cuộc họp, tiếp xúc cử tri, qua điện thoại và trao đổi trực tiếp)

6/ Thông tin từ các ý kiến đóng góp, qua điện thoại và trao đổi trực tiếp là một nguồn thông tin quan trọng trong hoạt động giám sát. Cần chú ý, thông tin đóng góp có thể chỉ là thông tin một chiều, mang tính chủ quan nên cần tập hợp và đối chiếu thông tin với các nguồn thông tin khác.

7/ Thông tin từ các cuộc họp cần thu thập thông tin đã được chính thức hoá trong văn bản làm cơ sở cho việc khai thác và sử dụng.

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

3. Kỹ năng xử lý thông tin

3.1. Phân tích, đánh giá thông tin

- Nguồn thông tin bắt nguồn từ đâu?
- Thông tin có phản ánh về cùng một đối tượng hoặc về các đối tượng có đặc điểm tương đồng nhau không?
- Thông tin được thu thập bằng kỹ thuật nào? Mức độ đáng tin cậy của các kỹ thuật thu thập thông tin?
- Thông tin được thu thập ở quy mô nào?
- Thời gian thu thập thông tin như thế nào?
- Mức độ hoàn chỉnh, toàn diện của thông tin thế nào?
- Mức độ kiểm chứng của thông tin như thế nào?

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

3. Kỹ năng xử lý thông tin

3.1. Phân tích, đánh giá thông tin

+ Rà soát các yêu cầu về thông tin:

- Thông tin phải đúng, phải trung thực, chính xác và khách quan. Để đạt tiêu chuẩn này cần có yếu tố con người, yếu tố vật chất, yếu tố phương pháp thu thập và xử lý thông tin;
- Thông tin phải đủ, phải phản ánh các khía cạnh cần thiết để có thể tái tạo được hình ảnh tương đối trung thực về đối tượng đang được xem xét. Thông tin đủ cũng đồng thời với nghĩa không dư thừa, không lãng phí.
- Thông tin phải kịp thời: thông tin phải được thu thập, phản ánh đúng lúc để kịp phân tích, phán đoán, xử lý. Tuy nhiên tiêu chuẩn này phụ thuộc vào khả năng con người, trang thiết bị, phương pháp áp dụng.

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

3.2. Nguyên tắc xử lý thông tin

- Đảm bảo nguyên tắc khách quan, trung thực với các nguồn thông tin đã thu thập được.
- Đảm bảo chất lượng nguồn tin, thông tin phải có tính đa chiều, đầy đủ về số liệu, dữ liệu.
- Quá trình xử lý thông tin phải nắm được hạt nhân của thông tin. Loại bỏ các yếu tố bình luận, nhận xét, những yếu tố mang tính dư luận xã hội chưa được kiểm chứng, xác định đúng nội dung cốt lõi, yếu tố khách quan trong thông tin được cung cấp.
- Sử dụng các phương tiện, công cụ hiện đại vào phân tích và xử lý thông tin có hiệu quả như công cụ phân tích SPSS (tổng hợp xử lý bảng hỏi); các phần mềm điện tử sẽ mang lại tính chính xác và hiệu quả hơn.

II. KỸ NĂNG THU THẬP VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND

3.3. Phân loại, sắp xếp thông tin Xác định những thông tin có ý nghĩa mấu chốt đối với sự việc.

3.4. Kết hợp những thông tin vừa thu được với những thông tin đã có từ các nguồn khác nhau để có cơ sở giải quyết vấn đề. So sánh, đối chiếu với thông tin đã có về tính phù hợp, sự mâu thuẫn để đặt ra yêu cầu, nội dung, câu hỏi cần làm rõ trong hoạt động giám sát.

3.5. Xác định đối tượng tiếp nhận câu hỏi, kết luận trong hoạt động giám sát.

3.6. Bổ sung những thông tin cần thiết thông qua việc tiếp tục đối thoại, trao đổi nếu thông tin thu nhận và thông tin đã biết chưa đủ cơ sở để giải quyết.

3.7. Đưa ra cách giải quyết, câu trả lời, quyết định cho trường hợp, tình huống cần giải quyết.

PHẦN THỨ HAI

KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

1. Một số khái niệm:

1.1. Khái niệm liên quan đến đầu tư công (Điều 4 Luật Đầu tư công)

- **Đầu tư công** là hoạt động đầu tư của Nhà nước vào các chương trình, dự án và đối tượng đầu tư công khác theo quy định của Luật này (khoản 15)
- **Chương trình đầu tư công** là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (khoản 8).
- **Vốn đầu tư công** bao gồm: vốn ngân sách nhà nước; vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật. (khoản 22)

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

1. Một số khái niệm (tiếp)

- **Hoạt động đầu tư công** bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công (khoản 16).

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

1.2. Đối tượng đầu tư công

1. Đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
2. Đầu tư phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.
3. Đầu tư và hỗ trợ hoạt động đầu tư cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, phúc lợi xã hội.
4. Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư.
5. Đầu tư phục vụ công tác lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
6. Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

I.MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

1.3. Phân loại dự án đầu tư công

1.3.1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công

- *Dự án có cấu phần xây dựng* là dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;”

- *Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô*, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật Đầu tư công.

1.3.2. Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật Đầu tư công.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

2. Nguyên tắc quản lý đầu tư công Điều 12 Luật Đầu tư công.

- 1/ Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
- 2/ Phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.
- 3/ Thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.
- 4/ Quản lý việc sử dụng vốn đầu tư công theo đúng quy định đối với từng nguồn vốn; bảo đảm đầu tư tập trung, đồng bộ, chất lượng, tiết kiệm, hiệu quả và khả năng cân đối nguồn lực; không để thất thoát, lãng phí.
- 5/ Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư công.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

3. Công khai, minh bạch trong đầu tư công Điều 14 Luật đầu tư công

1. Nội dung công khai, minh bạch trong đầu tư công bao gồm:

- a) Chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công;
- b) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công;
- c) Nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;
- d) Kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công;
- đ) Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư;

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

3. Công khai, minh bạch trong đầu tư công (tiếp)

e) Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư công bố trí cho từng dự án;

g) Tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công;

h) Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án;

i) Tiến độ thực hiện và giải ngân của dự án;

k) Kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án;

l) Quyết toán vốn đầu tư công.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện việc công khai các nội dung đầu tư công theo quy định của pháp luật.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công

1. Quyết định chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc không đúng với các nội dung về mục tiêu, phạm vi, quy mô, vượt tổng vốn đầu tư của chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái với quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công (tiếp)

4. Chủ chương trình, chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn, nhà thầu dẫn tới quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước, tài nguyên của quốc gia; làm tổn hại, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân và của cộng đồng.

5. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.

6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt, gây nợ đọng xây dựng cơ bản.

7. Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ CÔNG

4. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công (tiếp)

8. Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu, liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

9. Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin không đúng, không trung thực, không khách quan ảnh hưởng đến việc lập, thẩm định, quyết định kế hoạch, chương trình, dự án, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm trong triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án.

10. Cố ý hủy hoại, lừa dối, che giấu hoặc lưu giữ không đầy đủ tài liệu, chứng từ, hồ sơ liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện chương trình, dự án.

11. Cản trở việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư công

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND

HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra (nhiệm kỳ 5 năm), chịu trách nhiệm trước nhân dân và cơ quan nhà nước cấp trên. HĐND có vai trò rất quan trọng, thực hiện hai chức năng: **quyết định** và **giám sát**; hai chức năng này có mối liên hệ chặt chẽ, không tách rời.

Hiến pháp 2013 tại Khoản 2, Điều 113 quy định: HĐND quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của HĐND.

1.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung 2017, 2019) Điều 19 quy định: **HĐND quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của địa phương theo quy định của pháp luật**

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.1.1. *Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong việc quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án:* quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015:

“3*. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường:

a) Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn, trung hạn và hằng năm của tỉnh; quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. ***Quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án của tỉnh theo quy định của pháp luật;***”

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.1.2. *Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND huyện trong việc quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án: quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015:*

“2. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND huyện trong lĩnh vực kinh tế, tài nguyên, môi trường:

a) Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trung hạn và hằng năm của huyện, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách huyện; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương. ***Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của huyện theo quy định của pháp luật;***”

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.1.3. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã trong việc quyết định chủ trương đầu tư, chương trình dự án

Khoản 4 Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương:

“Thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt. Quyết định dự toán thu NSNN trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách xã; điều chỉnh dự toán ngân sách xã trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách xã. ***Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án của xã trong phạm vi được phân quyền***”

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.2. Luật NSNN 2015: Điều 30 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp về NSNN

1/ Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định: dự toán chi ngân sách địa phương (mục c)

2/ Quyết định phân bổ dự toán ngân sách cấp mình

3/ Phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương.

4/ Quyết định các chủ trương, biện pháp để triển khai thực hiện ngân sách địa phương.

5/ Quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.2. Luật NSNN 2015: Điều 30 về nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp về NSNN (tiếp)

6/ Giám sát việc thực hiện ngân sách đã được HĐND quyết định.

7/ Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật về tài chính - ngân sách của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch UBND cùng cấp và HĐND cấp dưới trực tiếp trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

8/ Quyết định danh mục các chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN của ngân sách cấp mình; quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương được đầu tư nguồn vốn NSNN.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.3. Luật đầu tư công 2019 (sửa đổi, bổ sung 2020, 2022) quy định thẩm quyền của HĐND quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án tại điều 17, các khoản:

+ (5 a^{***}): *HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài để chuẩn bị dự án đầu tư do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17.*

+ (6) *HĐND cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A do địa phương quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17.*

+ (7). *HĐND các cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, các nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 4 Điều 17.*

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.3. Luật đầu tư công 2019 (tiếp) Điều 43

**Việc điều chỉnh chương trình được thực hiện trong các trường hợp:*

- Khi điều chỉnh mục tiêu và thay đổi điều kiện thực hiện trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;
- Do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện chương trình.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

1.3. Luật đầu tư công 2019 (tiếp) Điều 43

**Việc điều chỉnh dự án được thực hiện trong các trường hợp:*

- Khi điều chỉnh hoặc dừng chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền;
- Khi điều chỉnh quy hoạch ảnh hưởng trực tiếp tới dự án;
- Do nguyên nhân bất khả kháng làm thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư, chi phí và thời gian thực hiện dự án;
- Do ảnh hưởng của sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc yếu tố bất khả kháng khác khi đã hết thời gian bảo hiểm của dự án;
- Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội do việc điều chỉnh dự án mang lại và được cơ quan có thẩm quyền thẩm định;
- Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2. Hoạt động giám sát của HĐND

HĐND là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân nên **có quyền và trách nhiệm thực hiện giám sát** việc thực hiện chính sách pháp luật và nghị quyết của HĐND, trong đó có việc giám sát đầu tư công nói chung và đầu tư công nói riêng

Giám sát là việc chủ thể giám sát theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát trong việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương Điều 87

1. HĐND thực hiện quyền giám sát của mình tại kỳ họp HĐND và trên cơ sở hoạt động giám sát của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND.

2. HĐND quyết định nội dung giám sát theo đề nghị của Thường trực HĐND trình trên cơ sở các kiến nghị của Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương Điều 87 (tiếp)

3. HĐND thực hiện quyền giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

- a) Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- b) Xem xét báo cáo của HĐND cùng cấp về tình hình thi hành Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp;
- c) Xem xét văn bản của UBND cùng cấp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp;
- d) Xem xét trả lời chất vấn của Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Ủy viên UBND, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- đ) Thành lập Đoàn giám sát về một vấn đề nhất định khi xét thấy cần thiết và xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (tiếp)

4. Căn cứ vào kết quả giám sát, HĐND có các quyền sau:

1/Yêu cầu UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp ban hành văn bản để thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của HĐND;

2/Bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản của UBND, Chủ tịch UBND cùng cấp trái với Hiến pháp, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND;

3/Ra nghị quyết về trả lời chất vấn và trách nhiệm của người trả lời chất vấn khi xét thấy cần thiết;

4/Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND và Ủy viên UBND.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.2. Luật giám sát hoạt động của Quốc hội và HĐND 2015

hoạt động giám sát của HĐND gồm: Giám sát của HĐND; Giám sát của Thường trực HĐND; giám sát của các Ban của HĐND; giám sát của đại biểu HĐND và tổ đại biểu HĐND.

2.2.1. Các hoạt động giám sát của HĐND: (1) Xem xét báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cùng cấp và các báo cáo khác theo quy định của pháp luật; (2) Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn; (3) Xem xét quyết định của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp; (4) Giám sát chuyên đề; (5) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND bầu.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.2.2. Các hoạt động giám sát của Thường trực HĐND:

Xem xét quyết định của UBND cùng cấp và nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp;(2) Xem xét việc trả lời chất vấn của những người bị chất vấn giữa hai kỳ họp HĐND; (3) Giám sát chuyên đề;(4) Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND;(5) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;(6) Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

2.2.3. Các hoạt động giám sát của các Ban của HĐND: (1) Thẩm tra các báo cáo do HĐND, Thường trực HĐND phân công; (2) Giám sát quyết định của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp; (3) Giám sát chuyên đề; (4) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.2.4. *Đại biểu HĐND* giám sát thông qua các hoạt động: (1) Chất vấn những người bị chất vấn theo quy định của pháp luật; (2) Giám sát quyết định của UBND cùng cấp và nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp; (3) Giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương; (5) Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

2.2.5. *Tổ đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp huyện* giám sát việc tuân theo Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp tại địa phương hoặc về các vấn đề do HĐND hoặc Thường trực HĐND phân công; tổ chức để đại biểu HĐND thực hiện hoạt động giám sát.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

2.3. Nội dung thẩm tra giám sát NSNN nói chung và đầu tư công nói riêng

Giám sát hoạt động NSNN được hiểu là việc theo dõi, xem xét, đánh giá các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính - ngân sách trong toàn bộ các khâu của quy trình ngân sách, bao gồm: Chuẩn bị/xây dựng dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán NSNN nhằm đánh giá việc tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

* *Thẩm tra kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, chú ý thẩm tra mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể về tài chính - ngân sách nhà nước; số thu và cơ cấu thu, số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên; định hướng về bội chi NSDP; tổng mức vay của NSDP, dư nợ vay và trả nợ của địa phương, tỷ lệ dư nợ so với giới hạn vay nợ của địa phương; danh mục các dự án, công trình, tổng mức vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN; các giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm địa phương giai đoạn sau;*

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

** Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương:*

- a) Thẩm tra tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương giai đoạn trước; việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương điều chỉnh (nếu có);
- b) Thẩm tra về mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn vốn NSNN của địa phương, khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn;
- c) Thẩm tra về nguyên tắc, phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương vốn NSNN;
- d) Thẩm tra về tỷ lệ và nguyên tắc sử dụng khoản dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương (nếu có);
- đ) Thẩm tra danh mục dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu;
- e) Thẩm tra các giải pháp, chính sách chủ yếu thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương;
- g) Thẩm tra về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương (nếu có).

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TRONG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG

*** *Thẩm tra dự toán NSDP*: Việc đánh giá tình hình thực hiện NSDP năm báo cáo; Thẩm tra dự toán năm sau (năm kế hoạch); Thẩm tra phương án phân bổ ngân sách cấp mình (năm kế hoạch); Thẩm tra đánh giá việc xây dựng tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách 3 năm trong mối liên hệ với kế hoạch hàng năm và kế hoạch 5 năm; Thẩm tra đánh giá bổ sung tình hình thực hiện dự toán năm trước và triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm hiện hành; Thẩm tra việc đánh giá bổ sung tình hình thực hiện NSDP; Thẩm tra việc triển khai dự toán năm hiện hành; **Chú ý**:

* *Thẩm tra 3 chương trình mục tiêu quốc gia (Nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững, Phát triển kinh tế - xã hội khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi), Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH*

**Thẩm tra phương án phân bổ NSDP*

**Thẩm tra quyết toán NSDP*

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

1. Xác định đúng mục đích, yêu cầu giám sát hoạt động đầu tư công

1.1. Mục đích

- Giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về NSNN, đầu tư công; phát hiện những bất cập, hạn chế và khoảng trống pháp luật cần sửa đổi, bổ sung đáp ứng yêu cầu thực tiễn.
- Đảm bảo cho các nguồn vốn đầu tư công sử dụng đúng mục tiêu, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của địa phương và nhân dân.
- Chống dàn trải trong đầu tư, chống các hiện tượng tiêu cực, lãng phí.
- Bảo đảm sự công khai, minh bạch trong đầu tư công

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

1.2. Yêu cầu

- Cần thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch và hiệu quả.
- Sử dụng các phương pháp giám sát đa dạng, phù hợp với nội dung, đối tượng, phạm vi, thời điểm giám sát.
- Việc thực hiện giám sát không được làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.
- Phối hợp hoạt động giám sát với các cơ quan, tổ chức liên quan để giám sát, đặc biệt Ban giám sát đầu tư của cộng đồng.
- Thực hiện tốt việc theo dõi, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện kiến nghị sau giám sát.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

2. Xác định chuẩn xác và đầy đủ nội dung, phạm vi giám sát các hoạt động đầu tư công

- Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;
- Lập, thẩm định, quyết định chương trình, dự án đầu tư công;
- Lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch, dự án đầu tư công;
- Quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; tiến độ giải ngân đầu tư công
- Nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công;
- Theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công.

*Chú ý trong việc giám sát hoạt động triển khai chương trình, dự án đầu tư công cần giám sát hoạt động đấu thầu.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

3. Nắm vững thủ tục trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công

3.1. Thủ tục trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương

- Trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, UBND trình HĐND cùng cấp cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật Đầu tư công; riêng kế hoạch đầu tư công năm đầu tiên của giai đoạn sau, căn cứ vào dự toán chi ngân sách địa phương cho đầu tư phát triển, UBND trình HĐND cùng cấp xem xét, quyết định.

- Căn cứ nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn mới và nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm, HĐND cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới, gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

3.1.Thủ tục trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương (tiếp)

- Căn cứ nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn, HĐND cấp huyện quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục, mức vốn ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án và mức vốn bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.
- Căn cứ nghị quyết của HĐND cấp huyện về kế hoạch đầu tư công trung hạn, HĐND cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, bao gồm tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, danh mục và mức vốn ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án.
- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày HĐND các cấp ban hành nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn, UBND cùng cấp giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các đơn vị thực hiện, bao gồm tổng mức vốn, danh mục chương trình, dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

3.2. Thủ tục trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách địa phương

- Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, UBND trình HĐND cùng cấp kế hoạch đầu tư công năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.
- Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, HĐND cấp tỉnh quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.
- Trước ngày 20 tháng 12 hằng năm, HĐND cấp huyện, cấp xã quyết định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, bao gồm danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án.
- Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, UBND các cấp giao kế hoạch đầu tư công năm sau cho các đơn vị thực hiện.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

4. Hình thức giám sát đầu tư công

4.1. Giám sát thường xuyên

Là hình thức giám sát phổ biến và thường xuyên nhất vì hoạt động đầu tư công là diễn ra thường xuyên và thời gian dài, vì thế rất cần có sự giám sát thường xuyên để kịp thời phát hiện và "uốn nắn" ngay từ đầu những thiếu sót, vi phạm để tránh được những sai phạm lớn. Thường trực HĐND phân công các Ban, các tổ đại biểu thường xuyên theo dõi hoạt động của các đối tượng giám sát (UBND, các cơ quan liên quan, chủ đầu tư, hoạt động đấu thầu,...), phát hiện kịp thời những bất cập, vi phạm để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

4. Hình thức giám sát đầu tư công

4.2. Giám sát qua xem xét báo cáo

Hình thức này thường sử dụng để giám sát kết quả đã thực hiện theo tiến độ, ở từng công đoạn của quá trình thực hiện đầu tư công; khi kết thúc một dự án, một chương trình; hoặc báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát khi HĐND tổ chức giám sát chuyên đề. Sau khi nghiên cứu báo cáo, nếu thấy cần thiết (những vấn đề chưa rõ, chưa đầy đủ) có thể yêu cầu đối tượng giám sát báo cáo, giải trình thêm. Nếu cần thiết tổ chức hội nghị đối thoại để trao đổi và nghe giải trình.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

4. Hình thức giám sát đầu tư công

4.3. Hình thức chất vấn, yêu cầu giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND và họp HĐND

Hình thức chất vấn, yêu cầu giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND là một hình thức giám sát mới quy định từ khi Luật Giám sát của Quốc hội và HĐND được ban hành năm 2015. Hình thức này phát huy tác dụng rất hiệu quả trong hoạt động giám sát. Những vấn đề cần được theo dõi, giám sát, nhưng không có điều kiện hoặc chưa đến mức cần thiết phải tổ chức giám sát chuyên đề thì Thường trực HĐND yêu cầu các cơ quan liên quan giải trình tại phiên họp Thường trực HĐND định kỳ hàng tháng.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

4. Hình thức giám sát đầu tư công

4.4. Đa dạng hóa các hoạt động giám sát: Nghe báo cáo, khảo sát thực tiễn, lấy ý kiến nhân dân, sử dụng chuyên gia tư vấn, sử dụng báo cáo kiểm toán ...để có những thông tin đa chiều, khách quan về chương trình, dự án đầu tư công.

4.5. Giám sát chuyên đề

Trong quá trình thực hiện giám sát qua báo cáo, giám sát thường xuyên, qua giải trình phát hiện các đối tượng giám sát có hiện tượng vi phạm nào đó; hoặc qua kiến nghị của đại biểu, các ban HĐND, Thường trực HĐND thấy cần giám sát sâu hơn, quy mô hơn thì chuyển sang hình thức giám sát chuyên đề.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

5. Quy trình giám sát đầu tư công của HĐND (thường 4 bước)

5.1. Chuẩn bị giám sát

1/ *Xác định vấn đề trọng tâm giám sát:* Lựa chọn vấn đề nổi cộm bức xúc đang xảy ra tại địa phương để giám sát (ví dụ: đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư công, chương trình mục tiêu quốc gia,...)

2/ *Xây dựng kế hoạch giám sát:*

- Đề cương nội dung chi tiết giám sát: mục đích, nội dung, đối tượng, địa điểm giám sát, các biểu mẫu thống kê cần thiết.
- Thời gian, kế hoạch giám sát
- Thành phần tham gia đoàn giám sát: Đại biểu HĐND, các chuyên gia (nếu cần thiết), đại diện các ban ngành...
- Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ giám sát: ô tô, xe máy, máy ảnh, ghi âm, máy quay video...

3/ Quyết định thành lập đoàn giám sát và thông báo cho cơ quan, cá nhân liên quan.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

5. Quy trình giám sát đầu tư công của HĐND (tiếp)

5.2. Tiến hành giám sát

1/ Nghiên cứu, phân tích xử lý số liệu qua văn bản báo cáo

2/ Tổ chức làm việc với cơ quan, đối tượng giám sát

- Bộ phận giúp việc làm việc trước

- Đoàn giám sát làm việc. Hình thức: họp, hội nghị nghe báo cáo, kết hợp đi thực tế tại địa bàn. Cơ quan/Đối tượng giám sát báo cáo theo yêu cầu nội dung giám sát và trả lời chất vấn. Các thành viên đoàn giám sát đặt câu hỏi, chất vấn và yêu cầu giải trình, làm rõ.

3/ Hoàn thiện báo cáo giám sát sau buổi làm việc trực tiếp

4/ Tổng hợp ý kiến của cử tri nơi đoàn giám sát về vấn đề giám sát

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

5. Quy trình giám sát đầu tư công của HĐND (tiếp)

5.3. Báo cáo đánh giá kết quả giám sát

1/ Xây dựng báo cáo đánh giá kết quả giám sát

- Kết quả đạt được; Tồn tại, hạn chế, phân tích rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và giải pháp khắc phục; Kiến nghị các cấp, các ngành hữu quan tháo gỡ khó khăn hoặc xử lý nếu có sai phạm;

2/ Xây dựng Nghị quyết về kết quả giám sát (nếu cần thiết)

3/ Thông báo kết quả giám sát cho đơn vị được giám sát

4/ Báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản với HĐND

5/ Thông cáo báo chí về kết quả giám sát

6/ Kiến nghị vấn đề cần được HĐND tập trung giám sát chuyên sâu trong thời gian tới (qua phát hiện của đợt giám sát nếu có)

5.4. Giám sát việc thực hiện kết luận, nghị quyết giám sát của HĐND đối với cơ quan, đơn vị được giám sát

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

6. Giám sát việc thực hiện công khai, minh bạch trong đầu tư công

- Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công tại địa phương;
- Kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn; vốn bố trí cho từng chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công của địa phương;
- Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án tới địa bàn đầu tư;
- Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm danh mục dự án và mức vốn đầu tư bố trí cho từng dự án;
- Tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công tại địa phương;
- Tiến độ thực hiện và giải ngân, kết quả thực hiện kế hoạch của dự án đầu tư công hàng năm.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

7. Giám sát, phát hiện những hiện tượng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt, vụ lợi, tham nhũng trong quản lý và sử dụng vốn đầu tư công

- Làm giả, làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, triển khai thực hiện dự án đầu tư công.
- Sai phạm trong quản lý đầu tư, xây dựng như quyết định đầu tư vượt khả năng nguồn vốn thuộc NSĐP; huy động và bố trí kế hoạch vốn đầu tư công chưa đúng quy định; điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án tăng cao so với phê duyệt ban đầu làm phá vỡ kế hoạch vốn, không có khả năng cân đối nguồn vốn.
- Sử dụng vốn đầu tư công không đúng mục đích, không đúng đối tượng, vượt tiêu chuẩn, định mức theo quy định của pháp luật.
- Phát hiện những trường hợp cán bộ quản lý, chuyên môn lợi dụng chức vụ quyền hạn kéo dài thời gian thẩm định, phê duyệt hồ sơ gây khó khăn cho doanh nghiệp, chủ đầu tư.
- Tiến độ thực hiện dự án kéo dài, chậm quyết toán, quyết toán sai đơn giá, khối lượng, vật tư ...
- Phát hiện những trường hợp cán bộ quản lý, chủ đầu tư có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, đơn vị thi công; những hiện tượng đưa, nhận, môi giới hối lộ.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

8. Phát hiện những hiện tượng tiêu cực trong quá trình tổ chức thực hiện đầu tư công

- Phát hiện những sai phạm về trình tự đầu tư công và hiện tượng chồng lấn quy hoạch hoặc chồng lấn dự án, những thiếu sót trong các khâu khảo sát, lập quy hoạch, lập dự án, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.
- Phát hiện những hiện tượng chủ đầu tư thông đồng với tổ chức tư vấn, nhà thầu dẫn tới quyết định đầu tư chương trình, dự án gây thất thoát, lãng phí vốn, tài sản của Nhà nước; yêu cầu tổ chức, cá nhân tự bỏ vốn đầu tư khi chương trình, dự án chưa được quyết định chủ trương đầu tư, chưa được phê duyệt.
- Sai phạm trong tổ chức đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, lập hồ sơ mời thầu không đúng quy định; sai sót trong khâu thẩm định xét duyệt hồ sơ thiết kế, không khả thi, không đúng hiện trạng và điều kiện cụ thể của công trình.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

8. Phát hiện những hiện tượng tiêu cực trong quá trình tổ chức thực hiện đầu tư công (tiếp)

- Phát hiện những hiện tượng chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đấu thầu thiếu công khai; minh bạch; không thực hiện đúng kế hoạch đấu thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chỉ định thầu không đúng thẩm quyền, quy trình.
- Sai phạm trong mua sắm hàng hóa, trang thiết bị, vật tư không đúng trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành của Nhà nước; giá mua sắm cao hơn so với giá thực tế trên thị trường;
- Sai phạm trong quá trình thi công các hạng mục công trình về thiết kế, vật tư, định mức, khối lượng, tiến độ ...
- Kiến nghị thay thế những trường hợp nhà thầu thi công chậm tiến độ, thi công không đảm bảo chất lượng, khối lượng hợp đồng.
- Kiến nghị giải quyết hiện tượng lãng phí không đưa vào vận hành sử dụng những công trình đầu tư XDCB đã hoàn thành tại địa phương.

9. Giám sát việc thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư và giải quyết việc làm cho người dân bị thu hồi đất cho đầu tư công. Phát hiện những sai phạm như xử lý chất thải, bảo vệ môi trường...

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10. Một số kỹ năng cần thiết của đại biểu HĐND để giám sát đầu tư công

10.1. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến NSNN nói chung và đầu tư công nói riêng

- Hiến pháp hiện hành; Các Luật hiện hành: Luật NSNN, Luật đầu tư công, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán; Luật đấu thầu; Luật xây dựng.
- Nghị quyết của Quốc hội và Nghị quyết của HĐND về Kế hoạch phát triển 5 năm và hằng năm;
- Các nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia; Các Nghị quyết của HĐND về Kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương;
- Nghị quyết Quốc hội về dự toán NSNN, phân bổ NSTW của năm dự toán, Nghị quyết về quyết toán ngân sách của Quốc hội;
- Nghị quyết UBTVQH số 594/NQ - UBTVQH15 ngày 12/9/2022 Hướng dẫn hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND;

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10.1. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến NSNN nói chung và đầu tư công nói riêng (tiếp)

- Các VBPL liên quan vốn đầu tư công nguồn NSTW cho địa phương 5 năm và hằng năm: Nghị quyết của Quốc hội phân bổ vốn đầu tư công, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về giao vốn đầu tư công.
- Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ NSDP, phê chuẩn quyết toán NSDP hằng năm và các nghị định khác của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật NSNN;
- Chỉ thị của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ KHĐT về xây dựng dự toán hằng năm;
- Nghị quyết của Đảng bộ địa phương về phát triển kinh tế - xã hội;
- Quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách của Chủ tịch UBND tỉnh (đối với cấp huyện); của Chủ tịch UBND huyện (đối với cấp xã);
- Hướng dẫn của UBND tỉnh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tài chính ngân sách hàng năm; Báo cáo tài chính nhà nước hàng năm.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10.2. *Nắm vững thông tin, kế hoạch, chương trình đầu tư công trên địa bàn:* Danh mục dự án trên địa bàn, bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm; vốn bố trí cho từng công trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân, tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư (*lưu ý sự đóng góp của dân*); kết quả nghiệm thu, đánh giá công trình và hiệu quả khi đưa vào vận hành sử dụng.

10.3. *Tham gia thảo luận, biểu quyết về quyết định chương trình, dự án đầu tư quan trọng của địa phương*

Kiến nghị không cho phép công trình đầu tư công, đặc biệt đầu tư XDCB không phù hợp với quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10.4. Kỹ năng tổng hợp, phân tích, nghiên cứu tài liệu: Cần thu thập đầy đủ tài liệu và sử dụng kết hợp các phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp giữa các nội dung, con số trong các tài liệu với nhau, với kết quả kiểm toán, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra tài chính, thuế của các cơ quan có thẩm quyền và ý kiến cử tri, xác định những vấn đề quan trọng, cốt lõi cần tập trung nghiên cứu. Sử dụng hiệu quả các Báo cáo thẩm tra có liên quan của các cơ quan chuyên môn của HĐND.

10.5. Kỹ năng phát hiện vấn đề:

- Đặt câu hỏi để phát hiện vấn đề: Nguyên nhân dẫn đến thực trạng không được như mong muốn là gì; tính phù hợp, khả thi của các nội dung, số liệu trong các tài liệu, báo cáo; các yếu tố, vấn đề đối tượng chịu sự giám sát chưa nêu hoặc không muốn nêu trong tài liệu, báo cáo.

- Đối chiếu thực tế để phát hiện vấn đề: Liên hệ với thực tế tình hình trong nước, cơ quan, đơn vị, địa phương với vấn đề, nội dung cần giám sát để thấy được sự phù hợp, khả thi hay mâu thuẫn giữa thực tế và tài liệu, báo cáo của đối tượng giám sát cung cấp.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10.6. Kỹ năng thu thập thông tin, lấy ý kiến chuyên gia: Các kênh thu thập thông tin về chuyên đề giám sát: (1) Qua phương tiện thông tin đại chúng; (2) Qua tiếp xúc cử tri; (3) Qua các cơ quan chuyên môn; (4) Qua các mối quan hệ do cá nhân tự xây dựng, tranh thủ ý kiến của những người công tác lâu năm trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, xây dựng ở các địa phương, các ngành, đơn vị khác nhau.

Kỹ năng sử dụng hiệu quả bộ máy giúp việc để thu thập thông tin, tư liệu; thu thập các báo cáo, tổng hợp ý kiến cử tri, kết quả nghiên cứu liên quan đến đầu tư công.

10.7. Kỹ năng tranh luận và chất vấn:

(1) Chuẩn bị kỹ câu hỏi ngắn gọn súc tích đúng trọng tâm, câu hỏi bằng văn bản và câu hỏi tại hội trường; (2) Quá trình chất vấn cần thể hiện thái độ tôn trọng, thân thiện với các đối tượng trả lời chất vấn; (3) Những vấn đề chất vấn cần hướng tới sự mong muốn có sự giải trình cụ thể.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10.8. Kỹ năng kiến nghị: Việc giám sát cần hướng tới các kiến nghị hữu ích để nâng cao chất lượng và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Để kiến nghị có tính hợp lý và khả thi được tiếp thu cần phải thuyết phục có đầy đủ căn cứ để kiến nghị được đưa vào nghị quyết, nên tập trung kiến nghị về chính sách, giải pháp.

10.9. Kỹ năng giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri về đầu tư công, về NSNN: thường xuyên liên hệ với cử tri và tiếp nhận những thông tin, tâm tư nguyện vọng, lắng nghe ý kiến của người dân, tiếp nhận các thông tin phát hiện những tiêu cực trong việc triển khai thực hiện đầu tư XDCB và giải phóng mặt bằng, huy động sự đóng góp của dân (nếu có). Giữ mối quan hệ tốt với Ban giám sát đầu tư của cộng đồng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Đại biểu HĐND cần thường xuyên giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri về đầu tư công, về tài chính - ngân sách; sẵn sàng hỗ trợ và bảo vệ người tố cáo khi cần thiết.

III. KỸ NĂNG GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CÔNG CỦA HĐND

10.10. Kỹ năng làm việc với báo chí

Nhằm chuyển tải quan điểm của đại biểu về các nội dung thẩm tra, giám sát đến cử tri và tìm kiếm sự ủng hộ của các đại biểu khác, của dư luận xã hội nên cần: (1) Giữ quan hệ thân thiện với báo chí; (2) Chuẩn bị kỹ lưỡng thông điệp cần thông tin cho báo chí; (3) Chuẩn bị thông tin đầy đủ, đa dạng; (4) Cung cấp thông tin trung thực, đúng mực.

10.11. Tham gia tích cực các cuộc giám sát định kỳ thường xuyên và đột xuất của HĐND đối với hoạt động đầu tư công tại địa phương

Đối với các đại biểu HĐND không chuyên trách, việc bố trí sắp xếp công việc và thời gian để tham gia các cuộc giám sát định kỳ thường xuyên và đột xuất của HĐND đối với hoạt động đầu tư công tại địa phương là rất cần thiết và quan trọng, đồng thời việc giám sát đầu tư công là khá phức tạp, yêu cầu nhiều thời gian và hiểu biết chuyên môn về tài chính - ngân sách và các lĩnh vực chuyên ngành như xây dựng, y tế, văn hóa, giáo dục v.v.. Tích lũy kinh nghiệm qua các hoạt động giám sát, theo dõi tiến độ giải ngân đầu tư công ở địa phương và cả nước.

•

XIN CHÚC MỪNG VÀ CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ LẮNG NGHE



01